

BÀI TẬP QUAY LUI

Bài toán: Chia kẹo

Có N gói kẹo, gói kẹo thứ i ($i=1..N$) có $K[i]$ viên kẹo.

Yêu cầu: Cần chia N gói kẹo cho 2 em bé sao cho tổng số viên kẹo của hai em bé chênh nhau là ít nhất.

Chú ý: không được bóc các gói kẹo ra để chia từng viên kẹo.

Dữ liệu vào: Tập văn bản CHIAKEO.INP gồm:

+ Dòng đầu ghi số nguyên dương N ($2 \leq N \leq 20$)

+ Dòng thứ hai ghi dãy số nguyên $K[i]$ ($i=1..N$, $0 < K[i] \leq 1000$) các số cách nhau một dấu cách

Dữ liệu ra: Tập văn bản CHIAKEO.OUT chỉ ghi một số nguyên duy nhất là độ lệch của tổng số viên kẹo của hai em bé.

Ví dụ:

CHIAKEO.INP	CHIAKEO.OUT
4 2 4 3 1	0

Bài 40 (BAI40QL.CPP)

Số siêu nguyên tố là số nguyên tố mà khi bỏ một số tùy ý các chữ số bên phải của nó thì phần còn lại vẫn là số nguyên tố. Ví dụ số 2333 là số siêu nguyên tố có 4 chữ số vì các số 233, 23, 2 đều là số nguyên tố.

Cho số n ($1 < n < 10$), hãy đưa ra các số nguyên tố có n chữ số.

Dữ liệu vào: Từ tập văn bản BAI40.INP chỉ ghi số nguyên dương n.

Kết quả: Ghi ra tập văn bản BAI40.OUT các số siêu nguyên tố có n chữ số, mỗi số trên một dòng và theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Ví dụ

BAI40.INP	BAI40.OUT
4	2333 2339 2393 2399

	2939
	3119
	3137
	3733
	3739
	3793
	3797
	5939
	7193
	7331
	7333
	7393

Bài 41:

Cho số nguyên dương N ($N \leq 10^9$). Hãy tìm tất cả các hoán vị của các chữ số của N . Lưu ý, chữ số 0 đứng đầu không có nghĩa.

Dữ liệu vào: Tập văn bản BAI41.INP chỉ ghi số nguyên N .

Kết quả: Tập văn bản BAI41.OUT ghi các hoán vị của các chữ số của N theo thứ tự tăng dần. Mỗi hoán vị được ghi trên một dòng.

Ví dụ

BAI41.INP	BAI41.OUT
1223	1223
	1232
	1322
	2123
	2132
	2213
	2231
	2312
	2321
	3122
	3212

	3221
--	------

Bài 42:

Hãy liệt kê dãy nhị phân có độ dài n ($n \leq 10$) theo thứ tự từ điển

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI42.INP chỉ ghi số nguyên dương n .

Kết quả: Đưa ra tệp văn bản BAI42.OUT, mỗi dòng là một dãy nhị phân theo yêu cầu bài toán.

Ví dụ

BAI42.INP	BAI42.OUT
3	000 001 010 011 100 101 110 111

Bài 43:

Cho chuỗi S (độ dài không các ký tự từ 'A' đến 'Z' đôi một khác nhau). Hãy khác nhau của các ký tự

vượt quá 10) chỉ gồm (các ký tự trong chuỗi S liệt kê tất cả các hoán vị trong chuỗi S .

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI43.INP ghi chuỗi S

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI43.out ghi mỗi hoán vị của chuỗi S trên mỗi dòng.

Ví dụ

BAI43.INP	BAI43.OUT
XYZ	XYZ XZY YXZ YZX ZXY ZYX

Bài 44:

Cho số nguyên dương n ($n \leq 20$). Hãy liệt kê tất cả các chuỗi có độ dài n chỉ chứa hai ký tự 'A' hoặc 'B' mà trong chuỗi không có hai ký tự 'B' đứng liền nhau.

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI44.INP chỉ ghi số nguyên dương n .

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI44.OUT, mỗi dòng một xâu ký tự thỏa mãn điều kiện bảo toán.

Ví dụ

BAI44.INP	BAI44.OUT
3	AAA AAB ABA BAA BAB

Bài 45:

Cho dãy số A gồm n số ($1 < n \leq 10$) a_1, a_2, \dots, a_n và một số nguyên dương K ($1 < K \leq n/2$). Hãy tìm cách chia dãy số A thành K nhóm sao cho tổng của các nhóm bằng nhau.

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI45.inp gồm:

- + Dòng đầu ghi hai số nguyên n và K cách nhau một dấu cách.
- + Dòng thứ hai ghi n số của dãy A, mỗi số không vượt quá 100, giữa các số cách nhau một dấu cách.

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI45.OUT gồm K dòng, mỗi dòng là các số thuộc cùng một nhóm. Nếu không chia được thì ghi số -1.

Ví dụ

BAI45.INP	BAI45.OUT
5 3	1 9
1 4 6 9 10	4 6
	10

Bài 46:

Một xâu $X = x_1x_2\dots x_M$ được gọi là một xâu con của xâu $Y = y_1y_2\dots y_N$ nếu ta có thể nhận được xâu X từ xâu Y bằng cách xóa đi một số ký tự trong xâu Y (các ký tự còn lại giữ nguyên thứ tự). Ví dụ xâu 'adz' là xâu con của xâu 'bcadazdzab'.

Yêu cầu: Cho xâu ký tự S chỉ gồm các ký tự từ 'a' đến 'z'. Hãy tìm tất cả các xâu con của S.

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI46.INP chỉ ghi xâu S có độ dài không quá 15.

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI46.OUT các xâu con của xâu S, mỗi xâu trên một dòng

Ví dụ

BAI46.INP	BAI46.OUT
aba	a b ba aa ab aba

Bài 47:

Cho số nguyên dương n ($n \leq 10$). Hãy liệt kê tất cả các cách đặt n dấu ngoặc mở và n dấu ngoặc đóng đúng theo quy tắc ưu tiên tính toán giá trị một biểu thức toán học.

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI47.INP chỉ ghi số nguyên dương n .

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI47.OUT trên mỗi là một xâu dấu ngoặc thể hiện một cách đặt tìm được.

Ví dụ:

BAI47.INP	BAI47.OUT
3	((())) ((()()) (())() ()() ()())

Bài 48:

Cho n số nguyên dương ($n \leq 10$) a_1, a_2, \dots, a_n ($a_i \leq 100$). Hãy tìm số nguyên dương m nhỏ nhất sao cho m không phân tích được tổng của một số các số (mỗi số chỉ sử dụng một lần) trong n số trên.

Dữ liệu vào: Tệp văn bản BAI48.INP gồm:

+ Dòng đầu ghi số nguyên dương n

+ Dòng thứ hai ghi n số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_n , giữa các số cách nhau một dấu cách.

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI48.OUT số m tìm được.

Ví dụ

BAI48.INP	BAI48.OUT
-----------	-----------

4	13
1 2 3 6	

Bài 49:

Cho chuỗi S (độ dài không vượt quá 10) chỉ gồm các ký tự từ 'A' đến 'Z'. Các ký tự trong chuỗi không nhất thiết phải khác nhau. Hãy liệt kê tất cả các hoán vị khác nhau của chuỗi S.

Dữ liệu vào: Từ tệp văn bản BAI49.INP chỉ ghi chuỗi S.

Kết quả: Ghi ra tệp văn bản BAI49.OUT tất cả các hoán vị của chuỗi S. Mỗi hoán vị được ghi trên một dòng.

Ví dụ

BAI49.INP	BAI49.OUT
AAB	AAB ABA BAA